TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2.Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Th, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp Q, xã V, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Khu vực T, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

(Tất cả đương sự đều có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Lê Văn Th trình bày:*

Nguyên vào năm 2009, sau một thời gian tìm hiểu, anh và chị Võ Thị Kim T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị T có được 01 con chung tên Lê Võ Kim Tr (nữ), sinh ngày 14/10/2010. Anh và chị T chung sống hạnh phúc từ năm 2009 đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường hay cãi vả nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên can tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Do đó, anh yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

- Về con chung: Hiện anh đang nuôi dưỡng cháu Tr. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:*

Chị thống nhất ý kiến với trình bày của anh Lê Văn Th về quá trình hôn nhân. Do bận đi làm ăn nên từ khi tổ chức lễ cưới từ năm 2009 đến nay chị và anh Th vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh Th có 01 con chung tên Lê Võ Kim Tr (nữ), sinh ngày 14/10/2010. Về mâu thuẫn vợ chồng, do anh Th hay đi nhậu về khuya và chị nghi ngờ anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi vả nhau. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc từ đầu năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hàn gắn được. Do đó, chị đồng ý với yêu cầu của anh Th về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Th.

- Về con chung: Hiện anh Th đang nuôi dưỡng cháu Tr. Chị đồng ý cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Văn Th và chị Võ Thị Kim T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh Th có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị T. Do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T đều thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tác hợp, anh chị đã tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng do bận đi làm ăn nên đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính nhau, thường hay cãi vả dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T cho rằng do anh Th không chung thủy và nhiều lần đi nhậu về khuya, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Th không sửa đổi. Anh chị đã ly thân từ đầu tháng 7 năm 2017 đến nay vẫn không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều này cho thấy tình trạng vợ chồng giữa anh Th và chị T đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, nay anh Th yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị T. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị T.

[3] Về con chung: Anh Th và chị T thống nhấtcó 01 con chung tên Lê Võ Kim Tr (nữ), sinh ngày 14/10/2010. Anh Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr đến trưởng thành, chị T đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, đồng thời hiện nay cháu Tr đang sống chung với anh Th, nhằm tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu Tr thì việc tiếp tục giao cháu Tr cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp.

Mặc dù chị T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Do anh Th không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị T cùng thống nhất thừa nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung và cũng

không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thà nh vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn Th và chị Võ Thị Kim T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Võ Kim Tr (nữ), sinh ngày 14/10/2010 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lê Văn Th phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp theo biên lai số 001358 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận anh Th đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được th i hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.